

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

FACTORS INFLUENCING THE INNOVATION AND ENTREPRENEURSHIP ECOSYSTEM OF STUDENTS AT BAC LIEU UNIVERSITY

Nguyễn Hoàn Em*, Đặng Nguyệt Quế, Phan Việt Đua

Trường Đại học Bạc Liêu

* nhem@blu.edu.vn

Ngày nhận bài:
27/5/2025

Ngày chấp nhận đăng:
16/6/2025

ABSTRACT

This study aims to identify the factors influencing the innovation and entrepreneurship ecosystem among students at Bac Lieu University. Based on a survey of 233 students using a structured questionnaire, the research applied various quantitative methods, including descriptive statistics, Cronbach's Alpha reliability testing, exploratory factor analysis (EFA), and multiple linear regression. The results indicate four key factor groups that significantly impact the student innovation and entrepreneurship ecosystem: (1) social trends and digital technology; (2) human resources; (3) education, training, and capital; and (4) support from enterprises, investors, and technical infrastructure. Accordingly, the study proposes strategic solutions to enhance the effectiveness of student innovation and entrepreneurship activities, contributing to the development of a sustainable and robust startup ecosystem at Bac Lieu University.

Keywords:

Entrepreneurial ecosystem, innovative, start-up, students, Bac Lieu University.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Trên cơ sở khảo sát 233 sinh viên thông qua bảng hỏi có cấu trúc, nhóm tác giả đã sử dụng các phương pháp phân tích định lượng như thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy đa biến để xác định mức độ tác động của từng yếu tố. Kết quả cho thấy có bốn nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến hệ sinh thái KNĐMST của sinh viên, bao gồm: (1) xu thế xã hội và công nghệ số; (2) nguồn nhân lực; (3) giáo dục, đào tạo và vốn; (4) sự hỗ trợ từ doanh nghiệp, nhà đầu tư và cơ sở vật chất kỹ thuật. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp chiến lược nhằm nâng cao năng lực triển khai hoạt động KNĐMST trong sinh viên, góp phần xây dựng môi trường khởi nghiệp bền vững và hiệu quả tại Trường Đại học Bạc Liêu.

Từ khóa: *Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sinh viên, trường Đại học Bạc Liêu.*

1. Giới thiệu

Hiện nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, KNĐMST trở thành xu thế tất yếu, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế tri thức, thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Ở Việt Nam, KNĐMST đã và đang được Chính phủ và các cơ sở giáo dục đại học đặc biệt quan tâm như một chiến lược dài hạn nhằm đào tạo thế hệ trẻ có tư duy sáng tạo, tinh thần dân lập nghiệp và khả năng tạo ra giá trị thực tiễn cao (Đề án 844, 2016).

Hoạt động KNĐMST trong các trường đại học không chỉ mang lại môi trường rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên mà còn góp phần thúc đẩy cải tiến chương trình đào tạo, kết nối với doanh nghiệp, hình thành các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và không gian sáng tạo. Trên thế giới, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hệ sinh thái KNĐMST chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như chính sách hỗ trợ, cơ sở hạ tầng, năng lực đào tạo, văn hóa khởi nghiệp, mạng lưới cố vấn và khả năng tiếp cận tài chính (Isenberg, 2011; Olutuase và cộng sự, 2018; Elnadi và cộng sự, 2020). Tại Việt Nam, các nghiên cứu của Lưu Hoàng Giang & Cao Thị Thanh Trúc (2020), Dương Thị Ngọc Liên & Nguyễn Hồng Ngân (2023) cũng nhấn mạnh vai trò của trường đại học như một thành tố trung tâm trong hệ sinh thái này.

Tại Trường Đại học Bạc Liêu, trong thời gian qua, Nhà trường đã ban hành nhiều kế hoạch, nghị quyết về KNĐMST nhằm khơi dậy tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên và xây dựng môi trường thuận lợi để phát triển các ý tưởng sáng tạo. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hoạt động này vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức: truyền thông về KNĐMST còn hạn chế cả về chủ đề và phạm vi; chính sách khuyến khích tuy đã ban hành nhưng chưa tạo được động lực mạnh mẽ; số lượng sinh viên chủ động tham gia vẫn còn ở mức thấp. Đa số hoạt động mới dừng lại ở việc nâng cao nhận thức, chưa hình thành được các mô hình khởi nghiệp có tính ứng dụng thực tiễn. Do đó, việc nghiên cứu và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái KNĐMST của sinh viên tại Trường Đại học Bạc Liêu là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học quan trọng giúp Nhà trường

đề xuất các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm hoàn thiện môi trường khởi nghiệp và thúc đẩy hoạt động KNĐMST trong sinh viên một cách hiệu quả và bền vững trong giai đoạn tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Khái niệm về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Theo Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang (2018), hệ sinh thái KNĐMST có thể được hiểu là một khu vực địa lý cụ thể, nơi tập trung đông đảo các cá nhân có tinh thần khởi nghiệp, các doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo cùng với các tổ chức hỗ trợ liên quan. Hệ sinh thái này được hình thành và phát triển thông qua quá trình tiến hóa đồng thời và tương tác hữu cơ giữa các chủ thể, tạo nên một mạng lưới hợp tác năng động. Sự phát triển của hệ sinh thái KNĐMST không chỉ phụ thuộc vào từng thành phần riêng lẻ mà còn nhờ vào tác động tổng hợp của toàn bộ các yếu tố trong hệ sinh thái, bao gồm: chính sách, nguồn vốn, nhân lực, tri thức, công nghệ và văn hóa khởi nghiệp. Những quan điểm này thể hiện cái nhìn toàn diện và khách quan về lý luận hệ sinh thái KNĐMST.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả kế thừa những cơ sở lý luận nêu trên để làm nền tảng đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái KNĐMST của sinh viên tại Trường Đại học Bạc Liêu, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khởi nghiệp trong môi trường đại học.

2.1.2 Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên tại trường Đại học Bạc Liêu

Hệ sinh thái khởi nghiệp nói chung và hệ sinh thái khởi nghiệp trong môi trường đại học nói riêng đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trên thế giới và tại Việt Nam. Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp của sinh viên không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn

là cơ sở quan trọng để đề xuất các chính sách và giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học.

Isenberg (2011) là một trong những học giả đầu tiên xây dựng mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp gồm sáu nhóm yếu tố chính: chính sách, tài chính, văn hóa, cơ sở hạ tầng và hỗ trợ thể chế, nguồn nhân lực, và thị trường. Tiếp đó, Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum, 2013) đề xuất một mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp bao gồm: tiếp cận thị trường; nguồn nhân lực; tài trợ và tài chính; hệ thống hỗ trợ và cố vấn; văn hóa, chính sách và khuôn khổ pháp lý; giáo dục và đào tạo thông qua các trường đại học.

Tại khu vực châu Phi, nghiên cứu của Samuel O. Olutuase và cộng sự (2018) nhấn mạnh các yếu tố như: mức độ bảo vệ doanh nghiệp, chấp thuận xã hội, hạ tầng hỗ trợ, khả năng tiếp cận tài chính, chính sách kinh tế thân thiện và ứng dụng công nghệ trong khởi nghiệp. Trong khi đó, Elnadi và cộng sự (2020) khi nghiên cứu tại Ả Rập Saudi đã xác định các yếu tố ảnh hưởng bao gồm: tiếp cận tài chính, chính sách và hỗ trợ của chính phủ, hạ tầng kỹ thuật, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo.

Tại Việt Nam, Lưu Hoàng Giang & Cao Thị Thanh Trúc (2020) xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thành công của hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường đại học bao gồm: văn hóa chấp nhận rủi ro, sinh viên có năng lực sáng tạo, nguồn vốn, sự

hợp tác với doanh nghiệp, và hỗ trợ từ chính phủ. Tương tự, Wang và cộng sự (2021) nhấn mạnh vai trò của các hoạt động ngoại khóa, mạng lưới kết nối, văn hóa khởi nghiệp và năng lực lãnh đạo trong hệ sinh thái tại trường đại học. Dương Thị Ngọc Liên và Nguyễn Hồng Ngân (2023) khi nghiên cứu tại Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP.HCM đã chỉ ra hai yếu tố ảnh hưởng mạnh đến ý định khởi nghiệp của sinh viên là khả năng tiếp cận tài chính và các yếu tố xã hội.

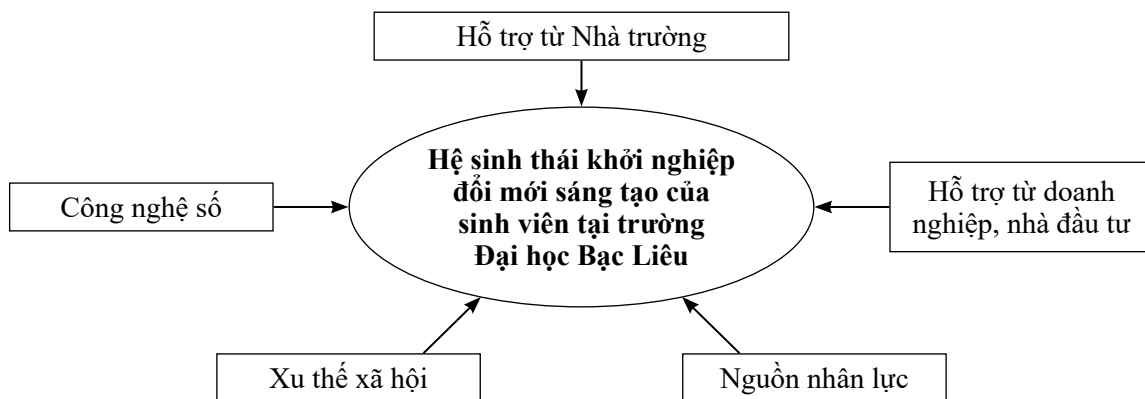
Gần đây, Nahid Mir và cộng sự (2024) đã đề xuất một mô hình tổng hợp về hệ sinh thái khởi nghiệp trong các trường đại học theo cách tiếp cận dựa trên tri thức, bao gồm các nhóm yếu tố như: cấu trúc, chính phủ, cơ hội nhận thức, nội dung, tài chính, kinh tế, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp công nghệ, môi trường, quản lý, giáo dục, văn hóa, khoa học - công nghệ và vai trò lãnh đạo.

Từ việc tổng quan các mô hình lý thuyết nói trên, có thể thấy rằng các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp có sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia, khu vực và môi trường giáo dục cụ thể. Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu trước và quan sát thực tiễn tại Trường Đại học Bạc Liêu, nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình gồm năm nhóm yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên, bao gồm: (1) Sự hỗ trợ từ nhà trường; (2) Sự hỗ trợ từ doanh nghiệp và nhà đầu tư; (3) Nguồn nhân lực; (4) Xu thế xã hội; (5) Công nghệ số.

Bảng 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên tại trường Đại học Bạc Liêu được đề xuất

Yếu tố	Nguồn tham khảo
<i>Hỗ trợ từ Nhà trường</i> (Chính sách; Hệ thống hỗ trợ và tư vấn; giáo dục và đào tạo; tiếp cận nguồn vốn)	Isenberg (2011); World Economic Forum (2013); Samuel O Olutuase và cộng sự (2018); Moustafa Elnadi và cộng sự (2020); Lưu Hoàng Giang & Cao Thị Thanh Trúc (2020); Dương Thị Ngọc Liên & Nguyễn Hồng Ngân (2023); Nahid Mir và cộng sự (2024)
<i>Nguồn nhân lực</i>	World Economic Forum (2013); Lưu Hoàng Giang & Cao Thị Thanh Trúc (2020)
<i>Sự hỗ trợ từ doanh nghiệp, nhà đầu tư</i>	Samuel O Olutuase và cộng sự (2018); Lưu Hoàng Giang & Cao Thị Thanh Trúc (2020)
<i>Xu thế xã hội</i>	Moustafa Elnadi và cộng sự (2020); Dương Thị Ngọc Liên & Nguyễn Hồng Ngân (2023)
<i>Công nghệ số</i>	Samuel O Olutuase và cộng sự (2018)

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của nhóm tác giả, 2025)



(Nguồn: Nhóm nghiên cứu, 2025)

Hình 1. Mô hình đề về các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu

2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu bao gồm dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy như sách chuyên khảo, tạp chí khoa học chuyên ngành và các bài viết có liên quan trên Internet. Các dữ liệu này được phân tích và tổng hợp nhằm kế thừa các thông tin có giá trị, phục vụ cho việc xây dựng cơ sở lý luận và làm nền tảng cho nghiên cứu. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua bảng câu hỏi khảo sát, sử dụng thang đo Likert 5 điểm để đánh giá mức độ đồng thuận của người trả lời. Cụ thể, thang đo được thiết kế với các mức độ như sau: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Trung lập; (4) Đồng ý; (5) Rất đồng ý. Thời gian tiến hành khảo sát kéo dài từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2025.

Theo Hair và cộng sự (2006), để áp dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA), cỡ mẫu tối thiểu cần đảm bảo tỷ lệ quan sát/biến đo lường là 5:1, tức mỗi biến đo cần ít nhất 5 quan sát. Trong nghiên cứu này, với tổng số 29 biến đo lường, cỡ mẫu tối thiểu được xác định là $29 \times 5 = 145$ mẫu. Nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát 250 sinh viên, vượt ngưỡng yêu cầu và đủ điều kiện để tiến hành phân tích nhân tố. Cụ thể, số lượng phiếu khảo sát được phân bổ như sau: Khoa Sư phạm (40 phiếu), Khoa Khoa học Xã hội (55 phiếu), Khoa Kinh tế và Luật (55 phiếu), Khoa Nông nghiệp và Thủy sản (50 phiếu), và Khoa Kỹ thuật và Công nghệ (50 phiếu).

2.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp phân tích dữ liệu: Dữ liệu từ bảng câu hỏi được phân tích thông qua phần mềm SPSS 24.0. Các phương pháp được sử dụng để phân tích dữ liệu bao gồm: (1) Thống kê mô tả dùng để tổng hợp và trình bày dữ liệu khảo sát dưới dạng phần trăm nhằm mô tả đặc điểm mẫu nghiên cứu và mức độ đồng thuận của người trả lời đối với các biến đo; (2) Phân tích độ tin cậy thang đo: Để đảm bảo độ tin cậy thang đo thì hệ số Cronbach's Alpha ($\geq 0,6$ được xem là chấp nhận được trong nghiên cứu xã hội học mới - Nunnally, 1978) và hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh (corrected item-total correlation) $\geq 0,3$ (Nunnally & Bernstein, 1994; trích dẫn bởi Nguyễn Đình Thọ, 2011); (3) Phân tích nhân tố khám phá (EFA): để rút gọn số lượng biến và xác định cấu trúc nhóm yếu tố trong mô hình nghiên cứu (Hair và cộng sự, 1998). Các tiêu chí sử dụng: $KMO \geq 0,6$, $Sig. \leq 0,05$ (Bartlett); hệ số tải nhân tố $> 0,5$; (4) Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến: xác định mức độ tác động của từng nhóm yếu tố đến sự phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu. Dựa vào hệ số xác định (R^2), hệ số phóng đại phương sai (VIF) và mức ý nghĩa (Sig.) trong bảng ANOVA để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình. Nếu $R^2 > 0$, $Sig. \leq 0,05$, $VIF \leq 10$ thì mô hình hồi quy thích hợp (Nguyễn Đình Thọ, 2011).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng phỏng vấn

Trong tổng số 250 bảng câu hỏi được phát ra trong quá trình khảo sát sinh viên, có 233 bảng hợp lệ và được sử dụng để phân tích dữ liệu. Đối tượng khảo sát là sinh viên thuộc 5 khoa của Trường Đại học Bạc Liêu. Kết quả phân tích đặc điểm nhân khẩu học như sau:

Về giới tính, trong tổng số mẫu khảo sát, sinh viên nữ chiếm 57,5%, trong khi sinh viên nam chiếm 42,5%. Tỷ lệ này cho thấy sự chênh lệch tương đối về giới tính trong đối tượng nghiên cứu, phản ánh xu hướng nữ giới tham gia học tập và thể hiện mối quan tâm đến các vấn đề khởi nghiệp ngày càng cao. Điều này cũng mở ra tiềm năng thúc đẩy các chương trình khởi nghiệp gắn với phụ nữ và đổi mới sáng tạo hướng đến giới.

Phân tích về độ tuổi cho thấy sinh viên trong độ tuổi 21 chiếm tỷ lệ cao nhất (36,9%), tiếp theo là độ tuổi 22 (28,8%) và 20 (24,9%). Tỷ lệ sinh viên từ 23 tuổi trở lên chiếm 6,9%, trong khi sinh viên 19 tuổi chỉ chiếm 2,6%. Điều này cho thấy phần lớn sinh viên nằm trong độ tuổi từ 20-22, đây là giai đoạn có khả năng tiếp thu tri thức và phát triển năng lực khởi nghiệp mạnh mẽ.

Về tình trạng hôn nhân, có đến 97,9% sinh viên trong mẫu khảo sát chưa kết hôn, 1,3% đã kết hôn và 0,9% thuộc nhóm tình trạng hôn nhân khác. Điều này phản ánh đúng đặc điểm của sinh viên đại học nói chung, đồng thời cho thấy nhóm đối tượng này có tính độc lập cao và thuận lợi trong việc tiếp cận các chương trình khởi nghiệp nếu được định hướng phù hợp.

Thống kê theo năm học cho thấy sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ cao nhất (43,3%), cho thấy đây là nhóm có nhiều kinh nghiệm học tập và dễ tiếp cận các hoạt động ngoại khóa, trong đó có khởi nghiệp. Sinh viên năm 2 (23,2%) và năm 4 (20,2%) cũng chiếm tỷ lệ đáng kể. Sinh viên năm 1 chiếm 13,3%, thấp nhất do còn ít tiếp cận với các hoạt động khởi nghiệp trong và ngoài giảng đường.

Phân bổ theo khoa cho thấy sinh viên đến từ Khoa Khoa học Xã hội chiếm tỷ lệ cao nhất (23,2%), tiếp theo là Khoa Kinh tế và Luật (21,9%), Khoa Nông nghiệp và Thủy sản (21,0%),

Khoa Kỹ thuật và Công nghệ (20,2%) và thấp nhất là Khoa Sư phạm (13,7%). Sự phân bố đồng đều giữa các khoa cho thấy kết quả nghiên cứu có tính đại diện tương đối và phản ánh đa chiều đặc điểm sinh viên của nhà trường.

Về mức thu nhập hàng tháng, đa số sinh viên có thu nhập dưới 5 triệu đồng/tháng (91,8%), chỉ có một tỷ lệ nhỏ có thu nhập từ 5-10 triệu (5,2%), 10-20 triệu (2,1%) và trên 20 triệu đồng (0,9%). Đây là yếu tố quan trọng cho thấy rào cản về tài chính có thể ảnh hưởng đến khả năng tham gia hoạt động khởi nghiệp, nhất là khi sinh viên phải tự chủ nguồn vốn ban đầu.

Khảo sát tình trạng kinh doanh cho thấy phần lớn sinh viên chưa từng tham gia hoạt động kinh doanh (81,5%). Chỉ có 15,9% từng kinh doanh và 2,6% đang hoạt động kinh doanh. Điều này phản ánh thực tế rằng sinh viên còn thiếu kinh nghiệm thực tế, do đó cần tăng cường các hoạt động thực tập, mô phỏng khởi nghiệp hoặc chương trình học kết hợp doanh nghiệp.

Về sở thích khởi nghiệp, có 46,4% sinh viên thể hiện thái độ trung lập với hoạt động khởi nghiệp, 30% có sở thích và 17,2% rất yêu thích khởi nghiệp. Trong khi đó, 4,7% không thích và 1,7% rất không thích khởi nghiệp. Qua đó cho thấy tỷ lệ sinh viên có xu hướng tích cực chiếm ưu thế, cho thấy tiềm năng lớn trong việc phát triển các chương trình hỗ trợ KNĐMST. Đây là cơ sở quan trọng để nhà trường xây dựng các chính sách phù hợp, phát triển vườn ươm doanh nghiệp sinh viên và tích hợp khởi nghiệp vào chương trình đào tạo chính khóa.

3.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu

Phân tích độ tin cậy thang đo

Mô hình giả định các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trường Đại học Bạc Liêu gồm 5 thang đo độc lập như sau: Nhà trường (14 biến quan sát); Doanh nghiệp/nhà đầu tư (4 biến quan sát); nguồn nhân lực sinh viên (5 biến quan sát); Xu thế xã hội (3 biến quan sát) và Công nghệ số (3 biến quan sát) và 1 thang

đo phụ thuộc với 3 biến quan sát. Để đảm bảo độ đánh giá độ tin cậy thang đo được sử dụng (Scale tin cậy thang đo và biến quan sát, phương pháp Reliability Analysis).

Bảng 2. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Thang đo	Biến quan sát	Hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha
Hỗ trợ từ Nhà trường	X01. Nhà trường luôn khuyến khích những ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp cho sinh viên.	0,560	0,876
	X02. Nhà trường thường xuyên tổ chức những buổi tập huấn về kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp.	0,664	
	X03. Nhà trường thường xuyên tổ chức những buổi toạ đàm với các lãnh đạo doanh nghiệp/cá nhân khởi nghiệp thành công.	0,618	
	X04. Nhà trường tổ chức tham quan thực tế các mô hình khởi nghiệp của sinh viên/cựu sinh viên/cá nhân bên ngoài trường.	0,571	
	X05. Nhà trường luôn giữ vai trò kết nối giữa doanh nghiệp và sinh viên trong hoạt động khởi nghiệp.	0,703	
	X06. Nhà trường có hỗ trợ chuyển giao đối với những dự án khởi nghiệp tiêu biểu.	0,534	
	X07. Nhà trường có chế độ khen thưởng về hoạt động khởi nghiệp.	0,612	
	X08. Các Thầy Cô trong trường luôn sẵn sàng định hướng, tư vấn, đồng hành cùng hoạt động khởi nghiệp của sinh viên.	0,542	
	X09. Đoàn thanh niên/Hội sinh viên luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn.	0,478	
	X10. Nhà trường có hỗ trợ về vốn đối với hoạt động khởi nghiệp của sinh viên.	0,466	
	X11. Trong chương trình đào tạo, có sự lồng ghép nội dung hoạt động khởi nghiệp đối mới sáng tạo ở một số học phần có liên quan.	0,563	0,831
	X12. Có các đơn vị liên kết với trường trong việc tạo cơ sở thực nghiệm cho những dự án khởi nghiệp.	0,239	
	X13. Nhà trường đã có những hỗ trợ về cơ sở vật chất kỹ thuật cho những dự án khởi nghiệp của sinh viên.	0,525	
	X14. Nhà trường có sự đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp (nhà lưới, không gian thực nghiệm, phòng thí nghiệm,...).	0,248	
Doanh nghiệp/ nhà đầu tư	X15. Doanh nghiệp/nhà đầu tư sẵn sàng tư vấn và định hướng cho hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên.	0,359	0,829
	X16. Doanh nghiệp/nhà đầu tư sẵn sàng hỗ trợ vốn cho hoạt động khởi nghiệp của sinh viên.	0,643	
	X17. Các doanh nghiệp/nhà đầu tư thường tổ chức những hoạt động (toa đàm, cuộc thi,...) về khởi nghiệp cho sinh viên.	0,711	
	X18. Các doanh nghiệp/nhà đầu tư có hỗ trợ trong việc chuyển giao các dự án khởi nghiệp trong sinh viên.	0,717	
Nguồn nhân lực sinh viên	X19. Bạn có sự đam mê về hoạt động khởi nghiệp.	0,509	0,796
	X20. Bạn có kiến thức và kỹ năng trong hoạt động khởi nghiệp.	0,236	
	X21. Bạn có bản lĩnh và tự tin trong hoạt động khởi nghiệp.	0,742	
	X22. Bạn có ý tưởng tốt về hoạt động khởi nghiệp.	0,673	
	X23. Bạn có ý chí nghị lực vượt qua khó khăn trong hoạt động khởi nghiệp.	0,716	
Xu thế xã hội	X24. Hoạt động khởi nghiệp là cơ hội để các bạn sinh viên thể hiện bản lĩnh bản thân mình.	0,579	0,796
	X25. Hoạt động khởi nghiệp sinh viên là xu hướng tất yếu trong thời đại kinh tế thị trường hiện nay.	0,661	
	X26. Hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên đang được quan tâm bởi xã hội (đặc biệt là Hội sinh viên, Đoàn Thanh niên,...).	0,681	

<i>Công nghệ số</i>	X27. Việc tiếp cận những thông tin về khởi nghiệp, những mô hình khởi nghiệp thành công của sinh viên trên mạng xã hội sẽ tạo động lực cho sinh viên trong hoạt động khởi nghiệp.	0,537	0,768
	X28. Việc chuyển đổi số như hiện nay sẽ giúp sinh viên thuận lợi trong hoạt động khởi nghiệp (đảm bảo đầu ra của sản phẩm tốt hơn qua việc quảng bá; dễ dàng đưa sản phẩm đến với khách hàng,...).	0,603	
	X29. Việc ứng dụng những phần mềm công nghệ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn trong hoạt động khởi nghiệp.	0,666	
<i>Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i>	X30. Hệ sinh thái khởi nghiệp của trường Đại học Bạc Liêu luôn hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho hoạt động khởi nghiệp cho sinh viên.	0,366	0,661
	X31. Sinh viên đã sẵn sàng tham gia hoạt động khởi nghiệp.	0,621	
	X32. Sinh viên rất mong muốn trở thành một doanh nhân trong tương lai.	0,441	

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2025

Qua kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo, các biến quan sát bị loại bao gồm: X12; X14; X15; X20. Vậy sau khi kiểm định độ tin cậy thang đo từ 29 biến quan sát ban đầu, loại 4 biến quan sát và còn lại 25 biến quan sát với 5 thang đo độc lập và 1 biến phụ thuộc với 3 biến quan sát đưa vào phân tích nhân tố khám phá.

Phân tích nhân tố khám phá EFA

Qua lần xoay nhân tố lần thứ nhất, từ 25 biến

quan sát còn 24 biến quan sát đủ điều kiện (do biến quan sát Đoàn thanh niên/Hội sinh viên luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn bị loại do có hệ số tải nhỏ hơn 0,5). Kết quả xoay nhân tố lần hai với 24 biến quan sát đủ điều kiện và chia thành 5 yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu, có phương sai trích được là 62% với chỉ số KMO là 0,865 và hệ số Sig. là 0,000.

Bảng 3. Kết quả phân tích ma trận nhân tố sau khi xoay

Biến quan sát	Nhân tố					Đặt tên
	1	2	3	4	5	
X26. Hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên đang được quan tâm bởi xã hội (đặc biệt là Hội sinh viên, Đoàn Thanh niên,...).	0,780					Xu thế xã hội và công nghệ số (F1)
X25. Hoạt động khởi nghiệp sinh viên là xu hướng tất yếu trong thời đại kinh tế thị trường hiện nay.	0,756					
X24. Hoạt động khởi nghiệp là cơ hội để các bạn sinh viên thể hiện bản lĩnh bản thân mình..	0,714					
X29. Việc ứng dụng những phần mềm công nghệ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn trong hoạt động khởi nghiệp.	0,687					
X27. Việc tiếp cận những thông tin về khởi nghiệp, những mô hình khởi nghiệp thành công của sinh viên trên mạng xã hội sẽ tạo động lực cho sinh viên trong hoạt động khởi nghiệp.	0,686					
X28. Việc chuyển đổi số như hiện nay sẽ giúp sinh viên thuận lợi trong hoạt động khởi nghiệp (đảm bảo đầu ra của sản phẩm tốt hơn qua việc quảng bá; dễ dàng đưa sản phẩm đến với khách hàng,...).	0,582					
X01. Nhà trường luôn khuyến khích những ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp cho sinh viên.		0,750				Hệ thống tư vấn, kết nối và chính sách (F2)
X08. Quý Thầy Cô trong trường luôn sẵn sàng định hướng, tư vấn, đồng hành cùng hoạt động khởi nghiệp của sinh viên.		0,720				
X07. Nhà trường có chế độ khen thưởng về hoạt động khởi nghiệp.		0,707				
X05. Nhà trường luôn giữ vai trò kết nối giữa doanh nghiệp và sinh viên trong hoạt động khởi nghiệp.		0,630				
X06. Nhà trường có hỗ trợ chuyển giao đối với những dự án khởi nghiệp tiêu biểu.		0,534				

X04. Nhà trường tổ chức tham quan thực tế các mô hình khởi nghiệp của sinh viên/cựu sinh viên/cá nhân bên ngoài trường.			0,682			Giáo dục đào tạo và vốn (F3)
X03. Nhà trường thường xuyên tổ chức những buổi tọa đàm với các lãnh đạo doanh nghiệp/cá nhân khởi nghiệp thành công.			0,659			
X10. Nhà trường có hỗ trợ về vốn đối với hoạt động khởi nghiệp của sinh viên.			0,638			
X02. Nhà trường thường xuyên tổ chức những buổi tập huấn về kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp.			0,593			
X11. Trong chương trình đào tạo, có sự lồng ghép nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở một số học phần có liên quan.			0,522			
X18. Các doanh nghiệp/nhà đầu tư có hỗ trợ trong việc chuyển giao các dự án khởi nghiệp trong sinh viên.				0,808		Hỗ trợ từ doanh nghiệp/nhà đầu tư và cơ sở vật chất kỹ thuật (F4)
X17. Các doanh nghiệp/nhà đầu tư thường tổ chức những hoạt động (tọa đàm, cuộc thi,...) về khởi nghiệp cho sinh viên.				0,779		
X16. Doanh nghiệp/nhà đầu tư sẵn sàng hỗ trợ vốn cho hoạt động khởi nghiệp của sinh viên.				0,720		
X13. Nhà trường đã có những hỗ trợ về cơ sở vật chất kỹ thuật cho những dự án khởi nghiệp của sinh viên.				0,626		
X21. Bạn có bản lĩnh và tự tin trong hoạt động khởi nghiệp.					0,872	Nguồn nhân lực (F5)
X23. Bạn có ý chí nghị lực vượt qua khó khăn trong hoạt động khởi nghiệp.					0,816	
X22. Bạn có ý tưởng tốt về hoạt động khởi nghiệp.					0,790	
X19. Bạn có sự đam mê về hoạt động khởi nghiệp.					0,641	

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2025)

Phân tích hồi quy đa biến

Bảng 4. Hệ số hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	Sig.	VIF
	B	Sai số chuẩn	Beta			
1 hằng số	0,259	0,263		0,986	0,325	
Yếu tố 1	0,423	0,064	0,366	6,605	0,000	1,310
Yếu tố 2	- 0,051	0,065	- 0,052	- 794	0,428	1,812
Yếu tố 3	0,156	0,065	0,166	2,411	0,017	1,936
Yếu tố 4	0,123	0,052	0,151	2,366	0,019	1,736
Yếu tố 5	0,272	0,048	0,297	5,637	0,000	1,188

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2025)

Từ kết quả ước lượng mô hình hồi quy, R hiệu chỉnh là 0,46, giá trị sig của mô hình là 0,000 nên mô hình có ý nghĩa. Giá trị Durbin-Watson ($d = 1,891$) cho kết quả không vi phạm giả định tự tương quan. Các yếu tố độc lập với kiểm định t có hệ số Sig. đều nhỏ hơn 0,05 và giá trị VIF nhỏ hơn 10 đã cho thấy mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Ta có phương trình hồi quy tuyến tính đa biến như sau:

$$Y = 0,259 + 0,423F_1 + 0,156F_3 + 0,123F_4 + 0,272F_5 + e_i$$

Qua phương trình hồi quy cho thấy rằng tất cả 4 yếu tố đều tác động đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu. Các yếu tố F1, F3, F4, F5 đều tương quan thuận với sự ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Kết quả phân tích cho thấy yếu tố F2 có hệ số chuẩn hoá mang giá trị âm (- 0,052) và giá trị sig. lớn hơn 0,05, nên yếu tố F2 không có ý nghĩa thống kê. Vậy còn 4 yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu theo mức độ giảm dần là: yếu tố F1 (Xu thế xã hội và công nghệ số),

yếu tố F5 (Nguồn nhân lực), yếu tố F3 (Giáo dục đào tạo và vốn), yếu tố F4 (Hỗ trợ từ doanh nghiệp/nhà đầu tư và cơ sở vật chất kỹ thuật).

3.3 Thảo luận kết quả nghiên cứu

** Yếu tố xu thế xã hội và công nghệ số*

Kết quả nghiên cứu cho thấy xu thế xã hội và công nghệ số có ảnh hưởng rõ nét đến hệ sinh thái KNĐMST của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường phát triển và xã hội ngày càng đề cao vai trò của đổi mới sáng tạo, sự khuyến khích từ các bên liên quan như nhà trường, cộng đồng và chính quyền sẽ góp phần thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên. Đồng thời, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số trong thời đại 4.0 đang mở ra nhiều cơ hội mới, từ việc quảng bá sản phẩm, tiếp cận khách hàng đến việc ứng dụng phần mềm trong sản xuất, quản lý. Những điều này góp phần tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên triển khai các ý tưởng khởi nghiệp. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Moustafa Elnadi và cộng sự (2020), Dương Thị Ngọc Liên & Nguyễn Hồng Ngân (2023), Samuel O. Olutuase và cộng sự (2018).

** Yếu tố nguồn nhân lực*

Nguồn nhân lực được xác định là yếu tố nền tảng ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ sinh thái KNĐMST. Sự tự tin, tinh thần vượt khó, đam mê và khả năng sáng tạo của sinh viên là những điều kiện tiên quyết để thúc đẩy hành vi khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu phản ánh tính khách quan cao, cho thấy vai trò trung tâm của yếu tố con người trong hoạt động KNĐMST. Điều này tương đồng với kết luận của World Economic Forum (2013) và nghiên cứu của Lưu Hoàng Giang & Cao Thị Thanh Trúc (2020). Tuy nhiên, phát hiện này lại không hoàn toàn đồng nhất với nghiên cứu của Moustafa Elnadi và cộng sự (2020), cho thấy sự khác biệt về bối cảnh nghiên cứu và đặc điểm đối tượng khảo sát.

** Yếu tố giáo dục đào tạo và vốn*

Giáo dục và đào tạo trong trường đại học đóng vai trò định hướng, truyền cảm hứng và trang bị kiến thức cho sinh viên về khởi nghiệp. Cùng với đó, vấn đề tài chính là rào cản phổ biến mà sinh viên khởi nghiệp thường gặp phải, nhất là trong giai đoạn ý tưởng mới hình thành. Kết quả nghiên

cứ cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa giáo dục, vốn và hoạt động KNĐMST của sinh viên. Phát hiện này nhận được sự đồng thuận với các nghiên cứu trước đây của Moustafa Elnadi và cộng sự (2020), Lưu Hoàng Giang & Cao Thị Thanh Trúc (2020), Dương Thị Ngọc Liên & Nguyễn Hồng Ngân (2023), Nahid Mir và cộng sự (2024).

** Yếu tố hỗ trợ từ doanh nghiệp/nhà đầu tư và cơ sở vật chất kỹ thuật*

Sự đồng hành của doanh nghiệp và nhà đầu tư cùng với điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật là những yếu tố thiết yếu trong hệ sinh thái KNĐMST. Sinh viên khởi nghiệp rất cần sự hỗ trợ từ các doanh nhân đi trước như: tài chính, cố vấn chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và đảm bảo đầu ra cho sản phẩm. Đồng thời, môi trường học tập hiện đại, trang thiết bị đầy đủ cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai ý tưởng khởi nghiệp. Phát hiện này phù hợp với các nghiên cứu của Samuel O. Olutuase và cộng sự (2018) và Lưu Hoàng Giang & Cao Thị Thanh Trúc (2020).

Tổng hợp các kết quả trên cho thấy, nếu các yếu tố được xác định trong nghiên cứu được chú trọng cải thiện và hỗ trợ đúng mức, sẽ góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển hệ sinh thái KNĐMST hiệu quả tại Trường Đại học Bạc Liêu. Đây là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng để xây dựng các giải pháp nhằm thúc đẩy sinh viên tham gia tích cực vào hoạt động khởi nghiệp trong thời gian tới.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy có bốn nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên tại Trường Đại học Bạc Liêu, bao gồm: (1) xu thế xã hội và công nghệ số; (2) nguồn nhân lực; (3) giáo dục, đào tạo và vốn; và (4) sự hỗ trợ từ doanh nghiệp, nhà đầu tư và cơ sở vật chất, kỹ thuật. Những yếu tố này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành, vận hành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp hiệu quả, bền vững trong môi trường đại học.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chiến lược nhằm hoàn thiện hệ sinh thái KNĐMST tại Trường Đại học Bạc Liêu, cụ thể như: (1) Thành lập Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo trực thuộc trường; (2)

Thiết lập mạng lưới cố vấn khởi nghiệp gắn với chuyên gia, doanh nghiệp; (3) Xây dựng và vận hành Quỹ hỗ trợ KNĐMST cho sinh viên; (4) Đầu tư cơ sở vật chất chuyên biệt phục vụ hoạt động KNĐMST; (5) Phát triển cổng thông tin điện tử tích hợp các nguồn lực KNĐMST; (6) Tích hợp nội dung khởi nghiệp vào chương trình đào tạo chính khóa; (7) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách Xã hội và Sở Khoa học & Công nghệ để triển

khai chương trình tiếp cận vốn ưu đãi; (8) Đầu tư xây dựng Vườn ươm doanh nghiệp sinh viên trong khuôn viên trường.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường khởi nghiệp, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo trong sinh viên và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp năng động, hiệu quả tại Trường Đại học Bạc Liêu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Thị Ngọc Liên và Nguyễn Hồng Ngân (2023). Các yếu tố hệ sinh thái khởi nghiệp của trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên. *Tạp chí công thương*. Số 22, tháng 10 năm 2023.
- Isenberg, D. (2011). *The Entrepreneurship Ecosystem Strategy as a New Paradigm for Economic Policy: Principles for Cultivating Entrepreneurship*. Institute of International and European Affairs, Dublin, Ireland, pp. 1-13.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2)*. Nhà xuất bản Hồng Đức. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Luck, D.J., và Rubin, R.S. (2009). *Nghiên cứu Marketing* (Phan Văn Thắng & Nguyễn Văn Hiến, dịch). Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. (Nguyên tác xuất bản năm 2005)
- Lưu Hoàng Giang và Cao Thị Thanh Trúc (2020), Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường đại học. *Tạp chí công thương*. Tháng 6 năm 2020.
- Moustafa Elnadi, Mohamed Hani Gheith, Tamer Farag, Imam Abdulrahman (2020). How Does The Perception of Entrepreneurial Ecosystem Affect Entrepreneurial Intention among University Students in Saudi Arabia? *International Journal of Entrepreneurship*. Volume 24, Issue 3. pp. 1-15.
- Nahid Mir, Amin Rahimikia, Mehry Daraei (2024). Ecosystem Entrepreneurship Model for a University with a Knowledge-Oriented Approach. *Knowledge Processing Studies*. Vol 4(1). Pp. 107-119.
- Nguyễn Đình Thọ (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. NXB Lao động Xã hội thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang (2018). Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Nhìn từ góc độ lý luận và thực tiễn. *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*, tập 7, số 4, tr. 38-51.
- Quyết định số 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 5 năm 2016 Về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.
- Samuel O Olutuase, Pradeep Brijlal, Bingwen Yan, Cape Peninsula Elizabeth Ologundudu (2018). Entrepreneurial Orientation and Intention: Impact of Entrepreneurial Ecosystem Factors. *Journal of Entrepreneurship Education*. Volume 21, Issue 3. pp. 1-14.
- Saunders M., Lewis P. và Thornhill A. (Dịch giả Nguyễn Văn Dung) (2010). *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*. Nhà xuất bản Tài chính. 710 trang.
- Võ Thị Thanh Lộc (2010). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
- Xuyan Wang, Xiaoyang Sun, Shuhua Liu and Chen Mu (2021). A Preliminary Exploration of Factors Affecting a University Entrepreneurship Ecosystem. *Original Research*. Vol 12. Pp. 1-12.